

BUFFET MENU – DINNER

THỰC ĐƠN TỰ CHỌN-BUỔI TỐI

COLD SECTION - SALADS STATION

샐러드

QUẦY NGUỘI - QUẦY SALADS

Grilled Squid with Pomelo Salad Marinated Mints, Dried Garlic, Shallot, Peanut, Plum Fish Sauce Dressing

구운 오징어와 포멜로 샐러드, 양념한 민트, 말린 마늘, 샬롯, 땅콩, 자두, 피시소스 드레싱

Gỏi Bưởi và Mực Nướng trộn với Xốt Lá Bạc Hà, Tỏi Phi, Hành Tím, Đậu Phộng, và Nước Mắm

Cabbage Salad with Shrimp, Carrot, Cucumber, Mint, Coriander, Cherry Tomato and Vietnamese dressing sauce

양배추 샐러드, 새우, 당근, 오이, 민트, 고수, 채리토마토, 베트남 드레싱

Gỏi Bắp Cải với Tôm, Cà Rốt, Dưa Leo, Lá Bạc Hà, Ngò, Cà Chua Bi, và Nước Chấm Kiểu Việt Nam

Grilled Tuna Salad with Fennel and Orange, Roasted sesame lemon dressing

구운 연어 샐러드와 페넬, 오렌지, 구운 참깨 레몬 드레싱

Gỏi Cá Thu trộn với Lá Thì Là, Cam, Xốt Mè Rang, và Nước Chanh

Avocado with Cherry Tomato and Pan fried Scallops Orange, Mustard Seed Vinaigrette

아보카도, 토마토, 구운 관자와 오렌지 머스타드 비네그레트

Gỏi Bơ với Cà Chua Bi, và Sò Điệp áp chảo sốt nước cam, Mù Tạc dầu giấm

Roasted Duck Salad with Spinach, Mint, Coriander, Basil and Roasted Sesame Sauce

구운 오리샐러드, 시금치, 민트, 고수, 바질과 구운 참깨 드레싱



Gỏi thịt Vịt Nướng với Cải Bó Xôi, Ngò, Lá Quế và Sốt Mè Rang

Seasonal Fresh Fruit Salad

제철 과일 샐러드

Salad Trái Cây trộn

Red Apple, Mango, Watermelon

사과, 망고, 수박

Táo, Xoài, Dưa Hấu

GARDEN GREEN SALADS CONDIMENTS

그린 샐러드와 컨디먼트

MÓN DÙNG KÈM VỚI CÁC LOẠI RAU SALADS

Cos Lettuce, Radicchio, Green and Red Lollorosa, Iceberg, Arugula,

상추, 라디치오, 그린, 레드 롤라로사, 아이스 버그, 아루굴라

Salad Búp Mỡ, Bắp Cải Tím, Rau Cải Xoăn, Rau Salad Búp, Rau Chân Vịt

Onion Ring, Sliced Cucumber, Cherry Tomato, Sweet Corn Kernels, Red Radish, Shredded Carrots, Capsicum thin julienne, Bean Sprouts

양파, 오이, 체리토마토, 스위트 콘, 홍당무, 당근, 피망, 숙주

Hành Tây, Dưa Leo, Cà Chua Bi, Bắp hạt, Củ Cải Đỏ, Cà Rốt, Ớt Chuông, và Giá Đỗ

SAUCES & DRESSINGS CONDIMENTS

소스&드레싱 컨디먼트

XỐT & CÁC LOẠI NƯỚC CHẤM DÙNG KÈM SALAD

"Thousand Dressing, French Dressing, Italian Dressing, Japanese Dressing, Vinaigrette,

Mayonnaise Vinaigrette, Roasted Sesame Sauce, Extra Virgin Olive Oil, Balsamic Vinegar



Lemon Wedges or lime wedges

“싸우전드 드레싱, 프렌치 드레싱, 이탈리아 드레싱, 제페니즈 드레싱, 비네그레트, 마요네즈
비네그레트, 구운 참깨 드레싱, 엑스트라 버진 올리브 오일, 발사믹 비네거, 레몬 또는 라임

*Xốt Thousand, Xốt Kiểu Pháp, Xốt Kiểu Ý, Xốt Kiểu Nhật, Dầu Giấm, Dầu Giấm Mayonnaise, Xốt Mè Rang,
Dầu Ôliu nguyên chất, Giấm Balsamic*

Chanh cắt múi

SELECTION COLD CUTS, SMOKED, PICKLES STATION

콜드 컷

QUẦY TỰ CHỌN THỊT NGUỘI, THỊT XÔNG KHÓI, VÀ ĐỒ MUỐI CHUA

Serrano Ham, Chorizo, Salami, Smoked Ham, Rosette

세라노 햄, 초리쵸, 살라미, 훈제 햄, 로세테

Giăm Bông Đùi Heo Muối, Xúc Xích Heo Hun Khói, Thịt Nguội Salami, Thịt xông khói

Smoked salmon, Smoked Basa

훈제 연어, 훈제 바사

Cá Hồi Xông Khói, Cá Basa xông khói

Horse Radish, Sliced Shallot, Caper, Conichons, Butter

홀스 레디쉬, 샬롯, 케이퍼, 코니송, 버터

Củ Cải Trắng, Hành Tím Bào, nụ Bạch Hoa, Dưa Chuột Muối, Bơ

SELECTION CHEESES

치즈 플레터

PHÔ MAI TỰ CHỌN



Blue Cheese, Cheddar Cheese, Gouda Cheese, Feta Cheese, Emmental Cheese, Brie Cheese, Camembert Cheese, Saint Paulin Cheese

블루 치즈, 체다 치즈, 고다 치즈, 페타 치즈, 에멘탈 치즈, 브리 치즈, 까망베르 치즈, 세인트 폴린치즈

Phô Mai Blue, Phô Mai Cheddar, Phô Mai Gouda, Phô Mai Feta, Phô Mai Emmental, Phô Mai Brie, Phô Mai Camembert, Phô Mai Saint Paulin

SELECTION NUTS

견과류

CÁC LOẠI HẠT

Dried Apricot, Roasted Cashew Nuts, Roasted Pistachio, Local Honey,

말린 살구, 구운 캐슈넛, 구운 피스타치오, 로컬 허니

Mơ Khô, Hạt Điều, Hạt Hồ Trăn, và Mật Ong bản xứ,

Chia seeds, Flaxseeds, Pumpkin Seeds, Walnuts.

치아 시드, 플라스 시드, 호박씨, 호두

Hạt Chia, Hạt Lanh, Hạt Bí, Hạt Óc Chó.

BREADS & JAMS STATION

베이커리

QUẦY BÁNH MÌ & MỨT

Mini Baguette Bread, Mini Dark Rye Bread, Soft Roll Bread, Log Baguette Bread, Ciabattac

Butter, Honey, Pineapple Jam, Strawberry Jam, Raspberry Jam.

미니 바게트, 미니 호밀빵, 소프트 롤, 바게트, 치아바타, 버터, 꿀, 파인애플 잼, 딸기 잼, 라즈베리 잼



Bánh Mì kiểu Pháp mini, Bánh Mì Nâu, Bánh Mì Tròn, Bánh Mì Ố kiểu Pháp, Bánh Mì Kiểu Ý Bơ, Mật Ong, Mứt Thom, Mứt Dâu, Mứt Dâu Rừng.

SELECTION OF KIM CHI AND NAMUL

김치와 나물

QUẦY KIM CHI

2 Kind of kimchi 2 종류의 김치

2 Loại Kim Chi

Cabbage Kimchi, White Radish Kimchi

배추 김치, 깍두기

Kim Chi Bắp Cải, Kim Chi Củ Cải Trắng

CANAPES SECTION

카나페

QUẦY CANAPES

Fresh spring roll with soft prawn, dipping sauce, Avocado prawn cocktail, Tuna and cucumber canapés

새우 월남쌈과 디핑 소스, 아보카도 새우 칵테일, 연어와 오이 카나페

Gỏi Cuốn Tôm, Nước Chấm, Cocktail Tôm Và Bơ, Canapés Cá Ngừ Và Dưa Leo

FRUIT CUT SECTION

과일

QUẦY TRÁI CÂY



Dragon Fruit, Orange, Watermelon, Mango, Passion, Pomelo, Jackfruit

용과, 오렌지, 수박, 망고, 패션 플루트, 포멜로, 잭 플루트

Thanh Long, Cam, Dưa Hấu, Xoài, Chanh Dây, Bưởi, Mít

SELECTION SEAFOOD'S READY TO EAT ON ICE

해산물

QUẦY HẢI SẢN CHÍN ĐƯỢC ĐỂ TRÊN ĐÁ

Tiger Prawn, Baby Squid, Clam, Pappy Shell, Cockle, Mussel, Snail, Crab, Blue Crab, Sweet Snail, Bullot Snail, Japanese Scallops

타이거 새우, 오징어, 조개, 홍합, 달팽이, 머드 크랩, 블루 크랩, 스위트 스네일, 브롯 스네일, 일본산 관자

Tôm Sú, Mực, Nghêu, Sò, Vẹm, Ốc, Cua, Ghẹ, Ốc Hương, Ốc Bullot, Sò Điệp Nhật

Red Chili Sauce, Lime Wedge, Baby Red Chili,

레드 칠리 소스, 라임, 베트남고추

Muối ớt Đỏ, Chanh cắt múi, Ớt Hiếm Đỏ,

Salt and Pepper Sauce, Green Chilli Peper Sauce, Tabasco

소금과 후추 소스, 그린 칠리 페퍼 소스, 타바스코

Muối Tiêu, Muối Ớt Xanh, Tabasco

Sweet And Sour Fish Sauce.

피쉬 소스

Nước mắm chua ngọt.

SUSHIS & SASHIMIS & SAUCES STATION

스시 & 사시미



QUẦY SUSHI VÀ SASHIMI

Salmon Sashimi, Tuna Sashimi, Octopus Sashimi, Basa Sashimi, Seabass Sashimi

연어 사시미, 참치 사시미, 문어 사시미, 바사 사시미, 농어 사시미

Sashimi Cá Hồi, Sashimi Cá Ngừ, Sashimi Bạch Tuộc, Sashimi Cá Basa, Sashimi Cá Chẻm

Salmon Sushi, Tuna Sushi, Octopus Sushi,

연어 스시, 참치 스시, 문어 스시

Sushi Cá Hồi, Sushi Cá Ngừ, Sushi Bạch Tuộc

Yellow Daikon Sushi, Tofu Sushi, Kimbap Roll

단무지 스시, 두부 스시, 김밥

Sushi Củ Cải Vàng, Sushi Đậu Phụ, Cơm Cuộn Hàn Quốc

DIPS & SAUCES CONDIMENTS Soya Sauce, Wasabi, Gary, White Radish, Carrot, Siso Leaves, Daikon

컨디먼트 : 간장, 와사비, 생강, 간 무, 당근, 시소잎, 단무지

DÙNG KÈM Nước Tương, Mù Tạc Wasabi, Gừng Hồng, Củ Cải Trắng, Cà Rốt, Lá Tía Tô, Củ Cải Vàng

ASIAN SECTION

아시안

CÁC MÓN Á

NOODLES SOUP LIVE COOKING STATION

아시안 누들

QUẦY MÓN NƯỚC NẤU TRỰC TIẾP

Traditional Beef and Chicken, Rice Noodle, TomYum Noodle

쇠고기 쌀국수, 닭고기 쌀국수, 뚝암국수

Phở Bò, Phở Gà, Mì Tomyum



CONDIMENTS Chili Sauce, Hoisin Sauce, Fresh Chili, Lime Wedges, Bean sprout, White onion, Basil leaves, Spring Onions

컨디먼트 : 칠리 소스, 호이신 소스, 베트남 고추, 라임, 숙주, 양파, 베트남 바질잎, 쪽파

DÙNG KÈM Tương Ớt, Tương Đen, Ớt, Chanh, Giá Đổ, Hành Tây, Lá Quế, Hành Lá

SOUPS CHAFING

수프

QUẦY SOUPS

Hot and sour squid soup

산라오징어탕

Soup Mực Chua Cay

Classic Spicy tomato soup with garlic butter bread

매운 토마토 수프

Soup Cà Chua Cay Cổ Điển với Bánh Mì Bơ tỏi

HOT LIGHT STATION

베트남 음식 코너

QUẦY ĐÈN NÓNG

BANH XEO Shrimp, pork, mung bean,

반 썬오, 새우, 돼지고기, 녹두

Bánh Xèo Tôm, Thịt, Đậu Xanh

Bean sprout cake style, fresh herb salad, chili fish sauce,

숙주, 베트남 허브 샐러드, 칠리 피쉬 소스

Bánh Giá Đổ, Rau Thơm, Nước Mắm Ớt



Deep-fried seafood spring roll, fresh garden salad, chili fish sauce, carrot pickle, rice noodle

해산물 짜조, 베트남 허브 샐러드, 칠리 피쉬 소스, 당근 피클과 '분'면

Chả Giò Chiên, Rau Vườn, Nước Mắm Ốt, Cà Rốt Ngâm Chua, Bún

Grilled minced beef in roll betel leaves, fresh garden Vietnamese salad,

구운 소고기를 잎으로 감싼 '라 롯'과 베트남 허브 샐러드

Bò Lá Lốt, Rau Vườn Kiểu Việt Nam

BANH HOI noodles, chili fish sauce

반 호이, 칠리 피쉬 소스

Bánh hời, Nước Mắm Ốt

DIM SIM SECTION

딤섬

QUẦY ĐIỂM TÂM

Dimsum Hacao, Shao Mai, Vegetable Gyoza

하가오, 쇼마이, 야채 교자

Há Cảo, Xíu Mại, Sủi Cảo Nhân Rau

CARVING SECTION ASIAN

카빙 스테이션 '아시안'

QUẦY CARVING KIỂU Á

Whole roasted duck with BANH BAO, soya sauce, hoisin sauce, cucumber, coriander, rice paper

베이징 덕과 꽃 빵, 간장, 호이신 소스, 오이, 고수, 라이스 페이퍼

Vịt Quay Nguyên Con với Bánh Bao, Nước Tương, Tương Đen Hoisin ăn kèm Dưa Leo, Ngò, Bánh Tráng



CARVING SECTION WESTERN

카빙 스테이션 '웨스턴'

QUẦY CARVING KIỂU ÂU

Roasted beef Prime Rib, Roasted gammon ham

Sườn Bò Nướng, Giăm Bông Nướng

구운 프라임 립, 구운 감돈 햄

HOT SAUCES CONDIMENTS Red wine sauce, green peppercorn sauce, mushroom sauce, barbecue sauce

컨디먼트 : 레드와인 소스, 그린 페퍼콘 소스, 머쉬룸 소스, 바베큐 소스

DỪNG KÈM *Xốt vang đỏ, Xốt Tiêu Xanh, Xốt Nấm, Xốt BBQ*

CHAFING DISH STATION

아시안

CÁC MÓN CHÍNH

Wok fried beef striploin with black pepper sauce, bell pepper, onion, spring onion

비프 페퍼

Thăn Bò Áp Chảo với Xốt Tiêu Đen, Ớt Chuông, Hành Tây, Hành Lá

Steamed seabass fish with ginger, carrot, spring onion, coriander, glass noodles, soya sauce, white win

베트남식 농어찜

Cá Chẽm Hấp với Gừng, Cà Rốt, Hành Lá, Ngò, Miến, Nước Tương, Vang Trắng

Roasted chicken with char siu sauce, lemon leaves, lemongrass, garlic



치킨 차슈

Gà Quay Xốt Xá Xíu, Lá Chanh, Sả, Tỏi

Wok fried vegetable, mushroom with oyster sauce, soya sauce

중국식 굴소스 야채볶음

Rau và Nấm Xào với Dầu Hào và Nước Tương

Wok fried flat noodle with beef and vegetables, oyster sauce, soya sauce

야채 면 볶음

Hủ Tiếu Xào Bò và Rau Củ với Dầu Hào, Nước Tương

WESTERN SECTION

웨스턴

CÁC MÓN ÂU

CHOICE OF GRILLED SEAFOODS

구운 해산물 모듬

HẢI SẢN NƯỚNG TỰ CHỌN

Lobster, Tiger prawn, baby squid, cobia, scampi

랍스터, 타이커 새우, 오징어, 날새기, 징거미 새우

Tôm Hùm, Tôm Sú, Mực, Cá Bớp, Tôm Càng

DIPS & SAUCES CONDIMENTS Salt and pepper, Green Chili pepper sauce, Tabasco

컨디먼트 : 소금과 후추, 그린칠리 페퍼소스, 타바스코

DÙNG KÈM Muối Tiêu, Muối Ớt Xanh, Tabasco

CHOICE OF GRILLED MEATS



구운 고기 모듬

THỊT NƯỚNG TỰ CHỌN

Grilled vegetables, corn, sweet potatoes

구운 야채, 옥수수, 고구마

Rau Củ, Bắp, Khoai Lang Nướng

Grilled chicken leg boneless

닭다리 구이

Chân Gà Rút Xương Nướng

Grilled sausage

구운 소세지

Xúc Xích Nướng

Australia Beef medallions

호주산 소고기 메달리온

Thịt Bò Úc

Vietnamese Style lemongrass marinated Pork chop

베트남식 레몬그라스 폭찹

Thịt Heo Muối Sả Kiểu Việt Nam

DIPS & SAUCES CONDIMENTS Mustard sauce, A1 sauce, tomato ketchup

컨디먼트 : 머스타드, A1 소스, 토마토 케첩

DÙNG KÈM Mù tạc, Xốt A1, Tương Cà

SOUP AND HOT DISHES



수프와 핫 디쉬

SOUP VÀ MÓN NÓNG

Leeks Potato cream soup

감자와 대파 크림수프

Soup Kem Khoai Tây và Hành

Pork stew

돼지고기 스튜

Thịt Heo Hầm

Potato Gratin with Parmesan cheese

포테이토 파마산 치즈 그라탱

Khoai Tây Đút Lò với Phô Mai Parmesan

Seafood Tomato Sauce

해산물 토마토 소스

Hải sản sốt cà chua

PIZZA LIVE SECTION

피자

QUẦY PIZZA

Margherita

마르게리타

Pizza Cà Chua Kiểu Ý

Salami



살라미

Pizza Thịt Nguội Salami

PASTA SECTION

파스타

QUẦY MÌ Ý

Kind of Pasta

파스타 면

Các Loại Mì Của Ý

Gnocchi, Penne, Spaghetti, Tagliatelle

노끼, 펜네, 스파게티 딸리아텔레

Mì Ống Kiểu Ý, Mì Hình Ống, Mì Sợi Tròn, Mì Sợi Dẹp

Kind of Pasta Sauce

파스타 소스

Các Loại Xốt Cho Mì Ý

Seafood, Cheese Sauce, Bolognese, Tomato, Pesto, Alle Vongole

해산물, 치즈 소스, 볼로네제, 토마토, 페스토, 봉골레

Xốt Hải Sản, Xốt Phô Mai, Xốt Thịt Bò Bằm, Xốt Cà Chua, Xốt Kiểu Ý, Xốt Ngao

DESSERTS STATION

디저트

QUẦY TRÁNG MIỆNG

Black Forest



블랙 포레스트

Bánh Kem Rừng Đen

Peach Lady Cake

피치 레이디 케이크

Bánh Kem Đào

Strawberry cheesecake

스트로베리 치즈 케이크

Bánh Kem Phô Mai Dâu

Carrot and ginger cake

캐롯 진저 케이크

Bánh Cà Rốt và Gừng

Mango Yogurt

망고 요거트

Sữa Chua Xoài

Cream Caramel

크림 카라멜

Bánh Kem Caramel

Raspberry shortcake

라즈베리 케이크

Bánh Kem Mâm Xôi

Agar- Agar



‘아가’ 젤리

Rau Câu

6 kind of homemade ice cream with condiments

6 가지 직접만든 아이스크림과 컨디먼트

6 Loại Kem Tự Làm với món ăn kèm

Vietnamese Lotus sweet soup

베트남식 연꽃 씨앗 수프

Chè Hạt Sen Việt Nam

